

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-PT
Ngày 07- 01-2019
V/v “Chia tài sản chung của vợ chồng
sau khi ly hôn nhân”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương;

Bà Ngô Thị Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Xuân Tú– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Xuân Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/HNGĐPT ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”.

Do có kháng cáo đối với bản án số 11/2018/HNGĐ- ST ngày 12- 10- 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, Thanh hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018; Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A– Sinh năm 1990, có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn kháng cáo: Anh Lê Văn T - Sinh năm 1980, có mặt;

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị A và anh Lê Văn T được Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn giải quyết cho ly hôn nhân và nuôi con chung theo Quyết định số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2018; Về tài sản anh, chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân, anh T và chị A có tạo lập được tài sản chung là khu nhà, đất ở thôn T, xã P, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Khu đất có diện tích 72m², trên đất xây dựng 01 nhà cấp 4 lợp tôn năm 2017. Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CE 487850 cấp ngày 06/9/2016 mang tên Lê Văn T, Nguyễn Thị A. GCNQSDĐ gốc hiện nay anh T đang giữ.

Nay chị A đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản trên, đồng thời chị A đề nghị được sử dụng nhà đất; chị sẽ có trách nhiệm trả lại số tiền chênh lệch tài sản cho anh T.

Anh Lê Văn T trình bày:

Về số tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cũng như việc anh đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc như chị A trình bày là đúng. Mặc dù vậy, anh Thành không yêu cầu Tòa án giải quyết chia nhà, đất, anh có nguyện vọng giữ lại khu nhà đất của anh chị cho các con sau này.

Tại bản án số 11/2018/HNGĐ- ST ngày 12- 10- 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn đã xử: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của BLTTDS. Điều 59; điểm d khoản 2 Điều 62 Luật HNGĐ. Điều 213 Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị A; Giao cho chị A sở hữu, sử dụng toàn bộ khu nhà, đất tại thôn T, xã P, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích 72m² đất, trên đất có 01 nhà cấp 4 lợp tôn.

Chị A có trách nhiệm giao lại cho anh Lê Văn T số tiền 185.566.000đ tiền chênh lệch 1/2 giá trị nhà đất trên.

Anh T có trách nhiệm giao lại bản gốc GCNQSDĐ số CE 487850, do UBND huyện Đông Sơn cấp ngày 06/9/2016 mang tên Lê Văn T, Nguyễn Thị A cho chị Anh.

Chị Nguyễn Thị A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị A không trả hoặc trả không đầy đủ thì chị A phải chịu lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 30- 10- 2018, bị đơn là anh T có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với bản án số 11/2018/HNGĐ- ST ngày 12- 10- 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn về chia tài sản chung của vợ chồng, muốn giữ lại nhà, đất để sau này chuyển nhượng cho các con. Anh T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T không thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu kháng cáo, chị A

không rút yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát:

Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS; Điều 59, điểm d khoản 2 Điều 62 Luật HNGĐ; Điều 213 Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Văn T, giữ nguyên bản án số 11/2018/HNGĐ- ST ngày 12- 10- 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn;

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Giao cho chị A toàn bộ khu nhà, đất tại thôn T, xã P, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích 72m² đất trên đất xây dựng 01 nhà cấp 4 lợp tôn cho chị Anh trực tiếp sở hữu, sử dụng. Chị A có trách nhiệm giao lại cho anh Lê Văn T số tiền chênh lệch 1/2 giá trị nhà đất trên. Chị A và anh T phải chịu án phí DSST, DSPT theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Văn T gửi trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn T xây dựng quan hệ hôn nhân hợp pháp, nhưng đã được Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định số 23/2018/QĐST- HNGĐ ngày 02/3/2018. Khi ly hôn, các đương sự chưa yêu cầu giải quyết tài sản.

[3]. Nay anh T và chị A đều thống nhất có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân chưa chia ở thôn T, xã P, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, gồm: Đất có diện tích 2m², 1 nhà cấp 4 lợp tôn năm 2017. Theo kết quả định giá, giá trị tài sản được xác định: 72m² đất trị giá 180.000.000đ; 1 nhà cấp 4 lợp tôn + bán bình + nền bê tông có tổng trị giá 191.132.100đ; Tổng giá trị nhà đất là 371.132.100 đồng.

[4]. Xét kháng cáo của anh T: Anh T nêu lý do muốn giữ lại nhà, đất để sau này cho các con là không chính đáng, vì đây là tài sản của bố mẹ, khi nào cho các con mỗi người sẽ quyết định sau. Hiện nay nhà đất vẫn để không, anh T đã về ở ổn định với gia đình. Chị A cùng với các con chưa có nơi ở riêng, đang phải ở nhờ nhà bố mẹ. Tòa án sơ thẩm xử giao nhà, đất cho chị A sở hữu và sử dụng, giao lại ½ tiền chênh lệch tài sản cho anh T là hợp lý, vẫn đảm bảo quyền lợi của anh T. Do đó,

không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của anh T yêu cầu bác đơn khởi kiện của chị Anh, hủy bản án sơ thẩm.

[5]. Chị A được giao quyền sử dụng đất, nên buộc anh T có trách nhiệm giao lại cho chị A bản gốc GCNQSDĐ số CE 487850 cấp ngày 06/9/2016 mang tên Lê Văn T, Nguyễn Thị A, để chị A liên hệ với cơ quan có thẩm quyền sang tên GCNQSDĐ.

[6]. Về án phí: Anh T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS; Điều 59, điểm d khoản 2 Điều 62 Luật HNGĐ; Điều 213, Điều 357 Bộ luật dân sự;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn T, giữ nguyên quyết định bản án số 11/2018/HNGĐ- ST ngày 12- 10- 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cho chị Nguyễn Thị A được sở hữu, sử dụng toàn bộ khu nhà, đất tại thôn T, xã P, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, gồm: 72m² đất trị giá 180.000.000đ, 1 nhà cấp 4 lợp tôn + bán bình + nền bê tông có tổng trị giá 191.132.100đ; Tổng giá trị nhà, đất là 371.132.100 (Ba trăm bảy m ốt đồng một trăm ba hai nghìn một trăm) đồng.

Chị Anh phải giao cho anh Lê Văn T số tiền chênh lệch tài sản 185.566.000 (Một trăm tám lăm triệu năm trăm sáu sáu triệu) đồng.

Anh Thành có trách nhiệm giao cho chị A bản gốc GCNQSDĐ số CE 487850, do UBND huyện Đông Sơn cấp ngày 06/9/2016 mang tên Lê Văn T, Nguyễn Thị A.

Chị Nguyễn Thị A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Anh T có đơn yêu cầu thi hành án, chị Anh không trả hoặc trả không đầy đủ thì chị A phải chịu lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 BLTTDS; Điểm b khoản 5 Điều 2, khoản 1 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Danh mục án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh phải chịu 9.278.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.670.000 đồng theo biên lai thu số 1628 ngày 23/5/2018 của Chi cục THADS huyện Đông Sơn; Chị A còn phải nộp 5.608.000đ án phí DSST.

Anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.278.000 đồng, án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số: AA/2017/0001680 ngày 30/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn; Anh T còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 9.278.000 đồng.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều

6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội ;
- VKSND Tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Đông Sơn;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trương Quốc Văn

